



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT BẮC GIANG

*Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
đã được kiểm toán*

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ PNT

B17 Lô 19, Khu Đô thị Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội
Tel: 84 3640 3642 / Fax: 84 3640 3643 / Web: www.pnt.com.vn

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đã được Công ty TNHH Một Thành Viên Xổ Sổ Kiến Thiết Bắc Giang (sau đây gọi tắt là Công ty) ủy quyền Ban Giám Đốc lập Báo cáo tài chính của Công ty, theo yêu cầu chính và báo cáo chi tiết của Công ty.

CÔNG TY

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	06 - 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	14 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Bắc Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Bắc Giang tiền thân là Công ty Xổ số kiến thiết Bắc Giang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 106410 ngày 05 tháng 04 năm 1997. Từ ngày 09 tháng 04 năm 2010, Công ty được đổi tên thành Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Bắc Giang và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400112625 ngày 17 tháng 06 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 09 tháng 06 năm 2014.

Vốn điều lệ của công ty là: 30.000.000.000 VND (Ba mươi tỷ đồng).

Trụ sở hoạt động: Số 2, Đường Quang Trung, Phường Trần Phú, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh, phát hành các loại hình xổ số kiến thiết;
- In ấn: Bản in máy photocopy, bản in máy vi tính;
- Dịch vụ đại lý bán vé máy bay, vận tải hành khách đường bộ khác;
- Cho thuê kí ốt, văn phòng làm việc.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

BAN GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Vũ Quốc Hoàn	Chủ tịch kiêm Giám đốc
Bà Hoàng Thị Thúy Nga	Phó Giám đốc
Ông Phạm Hồng Sơn	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Nhung	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNT (PNT Audit) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty. PNT Audit bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập cho Công ty trong những năm tiếp theo.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Bắc Giang, ngày 25 tháng 01 năm 2017

TM Ban Giám đốc

Chủ tịch kiêm Giám đốc



3384
NG
NHIỆM
OÁN C
PN
MAI



Số: 05/2017/BCTC-PNT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
về Báo cáo tài chính năm 2016
của Công ty TNHH Một thành viên Xây số kiến thiết Bắc Giang

Kính gửi: Ban Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Xây số kiến thiết Bắc Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Xây số kiến thiết Bắc Giang, được lập ngày 16 tháng 01 năm 2017 từ trang 06 đến trang 25 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Bắc Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNT



Giám đốc

Khương Tất Thành

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0410-2013-136-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2017

Kiểm toán viên

Nguyễn Ngọc Dũng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2000-2013-136-1



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT BẮC GIANG
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01 - XS

(Ban hành theo Thông tư số 168/2009/TT-BTC
 Ngày 19/8/2009 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		38.234.225.372	30.585.306.964
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	2.758.948.684	1.302.210.828
1. Tiền	111		1.258.948.684	1.302.210.828
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.500.000.000	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	33.678.705.257	26.510.765.903
1. Đầu tư ngắn hạn	121		33.678.705.257	26.510.765.903
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		947.404.071	1.895.704.569
1. Phải thu của khách hàng	131		708.916.500	953.601.053
2. Trả trước cho người bán	132			
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	253.853.651	949.625.596
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(15.366.080)	(7.522.080)
IV. Hàng tồn kho	140		327.003.151	436.837.914
1. Hàng tồn kho	141	V.04	327.003.151	436.837.914
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		522.164.209	439.787.750
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		259.883.209	280.770.200
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.05		45.834.550
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		262.281.000	113.183.000



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT BẮC GIANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.419.300.683	6.139.612.727
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		5.025.033.565	5.624.397.183
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	5.019.593.965	5.560.021.083
- Nguyên giá	222		10.504.349.094	10.504.349.094
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.484.755.129)	(4.944.328.011)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	5.439.600	64.376.100
- Nguyên giá	228		294.685.500	294.685.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(289.245.900)	(230.309.400)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11		
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13		
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		394.267.118	515.215.544
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	394.267.118	515.215.544
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		43.653.526.055	36.724.919.691

2133
 ÔN
 H NH
 A TO
 P
 VG M

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT BẮC GIANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		13.218.028.625	8.211.647.499
I. Nợ ngắn hạn	310		12.180.621.899	7.209.615.399
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312		164.250.000	4.895.000
3. Người mua trả tiền trước	313		163.483.200	135.378.700
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	1.857.808.026	1.866.900.813
5. Phải trả người lao động	315		2.916.216.100	1.616.740.136
6. Chi phí phải trả	316	V.17	264.900.000	297.850.000
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	387.544.655	447.797.510
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
10. Dự phòng rủi ro trả thưởng	321		6.123.000.000	2.668.000.000
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		303.419.918	172.053.240
II. Nợ dài hạn	330		1.037.406.726	1.002.032.100
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.19	1.025.134.000	1.002.032.100
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		12.272.726	
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		30.435.497.430	28.513.272.192
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	30.435.497.430	28.513.272.192
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		27.423.118.371	25.523.118.371
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		886.073.925	886.073.925
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.635.938.718	1.635.938.718
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		490.366.416	468.141.178
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		43.653.526.055	36.724.919.691

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT BẮC GIANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	001			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	002			
3. Vé số nhận bán hộ	003			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		101.799.113	101.799.113
5. Công cụ dụng cụ lâu bền đang sử dụng	005			
6. Tài sản giấy tờ có giá nhận thế chấp	006			
7. Ngoại tệ các loại	007			
8. Doanh số phát hành xổ số kiến thiết	008		249.720.000	

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Bắc Giang, ngày 16 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

Vũ Thị Oanh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nhung

Chủ tịch kiêm Giám đốc



Vũ Quốc Hoàn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	93.345.311.774	86.201.790.663
1.1. Doanh thu kinh doanh xổ số	01.1		92.701.672.724	85.598.827.273
1.1.1. Xổ số truyền thống	01.1.1		26.586.990.908	24.070.954.546
1.1.2. Xổ số cào	01.1.2		201.818.182	450.000.000
1.1.3. Xổ số bóc	01.1.3		539.200.000	577.531.818
1.1.4. Xổ số lô tô	01.1.4		65.373.663.634	60.500.340.909
1.1.5. Xổ số điện toán	01.1.5			
1.2. Doanh thu kinh doanh khác	01.2		643.639.050	602.963.390
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.26	12.091.522.530	11.165.064.429
2.1. Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số	02.1		12.091.522.530	11.165.064.429
2.1.1. Xổ số truyền thống	02.1.1		3.467.868.378	3.139.689.725
2.1.2. Xổ số cào	02.1.2		26.324.111	58.695.652
2.1.3. Xổ số bóc	02.1.3		70.330.435	75.330.238
2.1.4. Xổ số lô tô	02.1.4		8.526.999.606	7.891.348.814
2.1.5. Xổ số điện toán	02.1.5			
2.2. Giảm trừ doanh thu khác	02.2			
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	81.253.789.244	75.036.726.234
3.1. Doanh thu thuần kinh doanh xổ số	10.1		80.610.150.194	74.433.762.844
3.1.1. Xổ số truyền thống	10.1.1		23.119.122.530	20.931.264.821
3.1.2. Xổ số cào	10.1.2		175.494.071	391.304.348
3.1.3. Xổ số bóc	10.1.3		468.869.565	502.201.580
3.1.4. Xổ số lô tô	10.1.4		56.846.664.028	52.608.992.095
3.1.5. Xổ số điện toán	10.1.5			
3.2. Doanh thu thuần kinh doanh khác	10.2		643.639.050	602.963.390
4. Chi phí kinh doanh	11	VI.28	72.687.806.586	68.194.030.480
4.1. Chi phí kinh doanh xổ số	11.1		72.672.189.319	68.172.630.480
4.1.1. Chi phí trả thưởng	11.1.1		50.637.889.045	48.587.916.144
4.1.2. Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	11.1.2		22.034.300.274	19.584.714.336
4.2. Giá vốn hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã bán	11.2		15.617.267	21.400.000

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT BẮC GIANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cáo kết quả hoạt động kinh doanh (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.565.982.658	6.842.695.754
5.1. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số	20.1		7.937.960.875	6.261.132.364
5.2. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	20.2		628.021.783	581.563.390
6. Doanh thu tài chính	21	VI.29	1.336.279.626	1.363.907.251
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	48.801.700	47.770.400
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		48.801.700	47.770.400
8. Chi phí bán hàng	24		16.403.600	14.137.100
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.314.887.873	8.434.229.573
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		522.169.111	(289.534.068)
11. Thu nhập khác	31		90.788.909	889.760.066
12. Chi phí khác	32			45.000
13. Lợi nhuận khác	40		90.788.909	889.715.066
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		612.958.020	600.180.998
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	122.591.604	132.039.820
16. Thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		490.366.416	468.141.178

Bắc Giang, ngày 16 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu



Vũ Thị Oanh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nhung

Chủ tịch kiêm Giám đốc



Vũ Quốc Hoàn

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT BẮC GIANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 03 - XS

(Ban hành theo Thông tư số 168/2009/TT-BTC

ngày 19/8/2009 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		612.958.020	600.180.998
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		599.363.618	635.667.600
- Các khoản dự phòng	03		3.462.844.000	1.860.522.080
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.336.279.626)	(2.169.001.953)
- Chi phí lãi vay	06			
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		3.338.886.012	927.368.725
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		95.980.713	42.582.747
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		109.834.763	(19.964.736)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		1.427.317.844	(4.772.646.660)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		141.835.417	609.862.627
- Tiền lãi vay đã trả	13			
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(125.000.000)	(129.685.254)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		17.450.000	24.904.700
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(354.224.500)	(243.249.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.652.080.249	(3.560.827.251)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(4.895.000)	(46.610.400)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22			805.094.702
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(65.048.112.634)	(34.261.936.653)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		57.880.173.280	19.014.531.750
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.077.491.961	923.358.316
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.095.342.393)	(13.565.562.285)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT BẮC GIANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		1.900.000.000	3.000.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.900.000.000	3.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1.456.737.856	(14.126.389.536)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.302.210.828	15.428.600.364
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		2.758.948.684	1.302.210.828

Bắc Giang, ngày 16 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu



Vũ Thị Oanh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nhung

Chủ tịch kiêm Giám đốc




Vũ Quốc Hoàn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Bắc Giang tiền thân là Công ty Xổ số kiến thiết Bắc Giang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 106410 ngày 05 tháng 04 năm 1997. Từ ngày 09 tháng 04 năm 2010, Công ty được đổi tên thành Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Bắc Giang và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400112625 ngày 17 tháng 06 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 09 tháng 06 năm 2014.

Trụ sở hoạt động: Số 2, đường Quang Trung, phường Trần Phú, Thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Kinh doanh, phát hành các loại xổ số và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh, phát hành các loại hình xổ số kiến thiết;
- In ấn: Bản in máy photocopy, bản in máy vi tính;
- Dịch vụ đại lý bán vé máy bay, vận tải hành khách đường bộ khác;
- Cho thuê ki ốt, văn phòng làm việc.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Kỳ kế toán lập báo cáo tài chính này bắt đầu từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19/8/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty xổ số kiến thiết. Theo đó Công ty đã phân loại lại các tài khoản theo thông tư 200/2014/TT-BTC và lập Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh Báo cáo tài chính theo mẫu biểu hướng dẫn thông tư số 168/2009/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, được coi là: “tương đương tiền”;
- Có thời hạn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh, được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh, được phân loại là tài sản dài hạn.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thành phẩm tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 15 Năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 07 Năm
- Phương tiện vận tải	10 Năm
- TSCĐ hữu hình khác	08 Năm
- Phần mềm quản lý	03 Năm

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT BẮC GIANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập năm nay.

9. Phân phối các quỹ

Lợi nhuận của Công ty được phân phối theo Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ và thông tư số 01/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số. Theo đó, các quỹ được phân phối như sau:

a) Trích 30% vào quỹ đầu tư phát triển;

b) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp.

Trường hợp số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập Quỹ đầu tư phát triển không đủ nguồn để trích các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên theo mức quy định thì doanh nghiệp được giảm trừ phần lợi nhuận trích lập quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn trích lập đủ quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên theo mức quy định, nhưng mức giảm tối đa không quá mức trích vào Quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản lãi cho vay đối với cá nhân khác.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí trả lãi vay đối với các khoản ký quỹ đại lý xổ số;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí trả thưởng

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí trả thưởng gồm:

- Chi phí trả thưởng do công ty trả thưởng trực tiếp cho người trúng thưởng;
- Chi phí trả thưởng qua đại lý được ủy quyền trả thưởng cho khách hàng trúng thưởng;
- Chi phí trả thưởng các giải của vé xổ số liên kết nhận phân bổ theo quy định của Hội đồng xổ số miền Bắc (theo quy định chung của Hội đồng xổ số Miền Bắc).

Các khoản trên được ghi nhận theo số tiền đã trả thưởng cho các loại vé xổ số trúng thưởng trong kỳ.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí trực tiếp phát hành xổ số

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí trực tiếp phát hành xổ số gồm:

- Chi phí cho các đại lý;
- Chi phí quay số mở thưởng, giám sát;
- Chi phí chống số đề;
- Chi phí dự phòng rủi ro trả thưởng;
- Chi phí về vé xổ số;
- Chi phí thông tin kết quả mở thưởng;
- Chi phí đóng góp cho Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực;
- Chi phí trực tiếp phát hành khác.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất TNDN trong năm hiện hành.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT BẮC GIANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
- Tiền	1.258.948.684	1.302.210.828
+ Tiền mặt tại quỹ	792.231.900	690.298.500
+ Tiền gửi ngân hàng	466.716.784	611.912.328
- Các khoản tương đương tiền	1.500.000.000	
+ Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn không quá 3 tháng	1.500.000.000	
Cộng	2.758.948.684	1.302.210.828
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
- Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại Ngân hàng	33.308.705.257	26.015.765.903
+ Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam chi nhánh Bắc Giang	5.000.000.000	6.600.000.000
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) - Chi nhánh Bắc Giang	9.637.295.628	3.137.730.234
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Bắc Giang	2.150.000.000	1.500.000.000
+ Bưu điện tỉnh Bắc Giang	2.606.350.000	7.200.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương tỉnh Bắc Giang	4.808.600.000	2.552.035.669
+ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam tỉnh Bắc Giang	1.061.011.789	1.000.000.000
+ Ngân hàng Bưu điện Liên Việt	750.000.000	500.000.000
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội	2.627.647.840	1.000.000.000
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thành phố Bắc Giang	2.667.800.000	2.526.000.000
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Bắc Giang	2.000.000.000	
- Các khoản cho vay cá nhân	370.000.000	495.000.000
+ Nguyễn Bá Đanh	370.000.000	450.000.000
+ Thân Phúc Vinh		
+ Phạm Thị Yến		
+ Các đối tượng khác		45.000.000
Cộng	33.678.705.257	26.510.765.903
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
- Phải thu ngắn hạn khác	253.853.651	949.625.596
+ Phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay		741.212.335
+ Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Thủ đô	225.398.271	160.622.881
+ Phải thu khác	28.455.380	47.790.380
- Tài sản thiếu chờ xử lý		
Cộng	253.853.651	949.625.596

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT BẮC GIANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Hàng tồn kho		
	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công cụ, dụng cụ	72.945.600	118.440.800
- Hàng hoá	15.537.276	14.154.545
- Vé xổ số	238.520.275	304.242.569
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	327.003.151	436.837.914
5. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước		
	Số cuối năm	Số đầu năm
- Các khoản khác phải thu Nhà nước		45.834.550
Cộng		45.834.550
8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (trang 20)		
10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình (trang 21)		
14. Chi phí trả trước dài hạn		
	Số cuối năm	Số đầu năm
- Giá trị Công cụ dụng cụ xuất dùng	394.267.118	515.215.544
- Chi phí thành lập doanh nghiệp		
- Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn		
Cộng	394.267.118	515.215.544
16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế GTGT	730.982.864	733.001.010
- Thuế TTĐB	994.713.439	990.379.684
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.111.723	25.520.119
- Thuế thu nhập cá nhân	109.000.000	118.000.000
Cộng	1.857.808.026	1.866.900.813

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỐ SÓ KIẾN THIẾT BẮC GIANG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Đơn vị tính: VND
I. Nguyên giá					Cộng
Số dư đầu kỳ	8.128.966.102	156.345.455	1.884.387.537	334.650.000	10.504.349.094
- Mua trong kỳ					
- Đầu tư XDCB hoàn thành					
- Tăng khác					
- Chuyển sang BĐS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ	8.128.966.102	156.345.455	1.884.387.537	334.650.000	10.504.349.094
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	(3.515.047.974)	(124.577.100)	(1.101.837.537)	(202.865.400)	(4.944.328.011)
- Số khấu hao trong kỳ	(380.509.718)	(19.906.200)	(104.340.000)	(35.671.200)	(540.427.118)
- Tăng khác					
- Chuyển sang BĐS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ	(3.895.557.692)	(144.483.300)	(1.206.177.537)	(238.536.600)	(5.484.755.129)
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu kỳ	4.613.918.128	31.768.355	782.550.000	131.784.600	5.560.021.083
2. Tại ngày cuối kỳ	4.233.408.410	11.862.155	678.210.000	96.113.400	5.019.593.965

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng: 1.366.582.491 VND

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT BẮC GIANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy vi tính	Cộng
I. Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	294.685.500	294.685.500
- Mua trong kỳ		
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp		
- Tăng do hợp nhất kinh doanh		
- Tăng khác		
- Thanh lý, nhượng bán		
- Giảm khác		
Số dư cuối kỳ	294.685.500	294.685.500
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	(230.309.400)	(230.309.400)
- Số khấu hao trong kỳ	(58.936.500)	(58.936.500)
- Tăng khác		
- Thanh lý, nhượng bán		
- Giảm khác		
Số dư cuối kỳ	(289.245.900)	(289.245.900)
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu kỳ	64.376.100	64.376.100
2. Tại ngày cuối kỳ	5.439.600	5.439.600

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng: 245.735.500 VND

859
3 T
M H
N QU
NT
AI -

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT BẮC GIANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Chi phí phải trả		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phải trả khác	264.900.000	297.850.000
- Chi phí trả thường xố số phải trả	264.900.000	297.850.000
Cộng	264.900.000	297.850.000
18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
	Số cuối năm	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	91.096.173	70.620.173
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	296.448.482	377.177.337
+ Công ty TNHH một thành viên Xổ số Kiến thiết Thủ đô		131.520.337
+ Phải trả hoa hồng đại lý	186.064.200	150.942.800
+ Phải trả CBNV tiền ăn trưa, công tác phí khoán T12/2014	72.183.200	70.175.000
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	38.201.082	24.539.200
Cộng	387.544.655	447.797.510
19. Phải trả dài hạn khác		
	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.025.134.000	1.002.032.100
Cộng	1.025.134.000	1.002.032.100
20. Vốn chủ sở hữu		
a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu (trang 23)		
b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu		
	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	27.423.118.371	25.523.118.371
- Vốn góp của các đối tượng khác		
Cộng	27.423.118.371	25.523.118.371
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận		
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	25.523.118.371	22.523.118.371
+ Vốn góp tăng trong năm	1.900.000.000	3.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	27.423.118.371	25.523.118.371
d. Các quỹ của doanh nghiệp		
	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	1.635.938.718	1.635.938.718
- Quỹ dự phòng tài chính		
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÓ SÓ KIẾN THIẾT BẮC GIANG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	22.523.118.371	886.073.925	1.511.980.718	413.193.347	25.334.366.361
Tăng vốn trong năm trước	3.000.000.000				3.000.000.000
Lãi trong năm trước				468.141.178	468.141.178
Tăng khác					
Giảm vốn trong năm trước					
Lỗ trong năm trước					
Phân phối LN năm 2014			123.958.000	(413.193.347)	(289.235.347)
Giảm khác (i)					
Số dư đầu năm nay	25.523.118.371	886.073.925	1.635.938.718	468.141.178	28.513.272.192
Tăng vốn trong năm nay	1.900.000.000				1.900.000.000
Tăng khác					
Lãi trong năm nay				490.366.416	490.366.416
Phân phối LN năm 2015					
Giảm vốn trong năm nay					
Lỗ trong năm nay					
Phân phối LN năm 2015 (i)				(468.141.178)	(468.141.178)
Giảm khác					
Số dư cuối năm nay	27.423.118.371	886.073.925	1.635.938.718	490.366.416	30.435.497.430

(i): *Phân phối lợi nhuận năm 2015:*

- *Quỹ quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp:*

468.141.178 VND

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT BẮC GIANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	92.701.672.724	85.598.827.273
Doanh thu cung cấp dịch vụ	643.639.050	602.963.390
Cộng	93.345.311.774	86.201.790.663
26. Các khoản giảm trừ doanh thu		
	Năm nay	Năm trước
Thuế TTĐB	12.091.522.530	11.165.064.429
Cộng	12.091.522.530	11.165.064.429
27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	80.610.150.194	74.433.762.844
Doanh thu cung cấp dịch vụ	643.639.050	602.963.390
Cộng	81.253.789.244	75.036.726.234
28. Chi phí kinh doanh		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí kinh doanh xổ số	72.672.189.319	68.172.630.480
Giá vốn hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp	15.617.267	21.400.000
Cộng	72.687.806.586	68.194.030.480
29. Doanh thu tài chính		
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.336.279.626	1.363.907.251
Cộng	1.336.279.626	1.363.907.251
30. Chi phí tài chính		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay "đổi với các khoản ký quỹ ký cược đại lý"	48.801.700	47.770.400
Cộng	48.801.700	47.770.400



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT BẮC GIANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
(1) Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	612.958.020	600.180.998
(2) Các khoản thu nhập không tính vào thu nhập chịu thuế TNDN		
(3) Các khoản chi phí không khấu trừ vào thu nhập chịu thuế TNDN		
(4) Số lỗ chưa sử dụng (Lỗ các năm trước được trừ vào lợi nhuận trước thuế)		
(5) Số thu nhập chịu thuế TNDN trong năm (5) = (1)-(2)+(3)-(4)	612.958.020	600.180.998
(6) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	122.591.604	132.039.820

32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí về vé xổ số	691.194.319	718.289.659
Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	16.480.977.637	14.927.519.291
Chi phí trả thưởng	50.637.889.045	48.587.916.144
Chi phí lương người quản lý công ty	1.945.260.000	1.422.432.000
Chi phí lương người lao động	7.406.891.900	6.309.315.936
Chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	1.058.097.399	892.541.574
Chi phí khấu hao tài sản cố định	599.363.618	635.667.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.165.839.955	1.637.690.211
Chi phí khác bằng tiền	2.033.584.186	1.511.024.738
Cộng	82.019.098.059	76.642.397.153

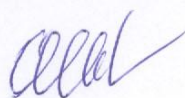
VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Bắc Giang đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán quốc tế PNT.

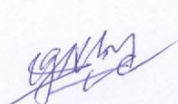
Bắc Giang, ngày 16 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu



Vũ Thị Oanh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nhung

Chủ tịch kiêm Giám đốc



Vũ Quốc Hoàn

